TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 358/2020/DS-ST
Ngày: 18-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Lê Hưng

Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 517/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Tài chính TNHH H; địa chỉ: Số xxx đường P, Phường N, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Duy Hg là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền Số 190913-01/UQ-COL ngày 13/9/2019)

- *Bị đơn:* Ông Trương Nguyễn B, sinh năm 1995; địa chỉ: Số xx đường K, phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 13/01/2015, ông Trương Nguyễn B ký đã ký Thỏa thuận tín dụng số 2W001731380 với Công ty Tài chính TNHH H (sau đây gọi tắt là Công ty H) để vay mua trả góp xe gắn máy nhãn hiệu Honda SH 125, số khung: RLHJF.., số máy: JF42E-.., biển kiểm soát 59E1-xxxxx với số tiền vay 49.770.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng; vào ngày 10 hàng tháng ông B có nghĩa vụ thanh toán 3.072.255 đồng trong 23 tháng đầu, trả 2.537.511 đồng vào tháng cuối; thực hiện từ ngày 10/2/2015

đến ngày 10/01/2017. Đồng thời, hai bên thỏa thuận thế chấp xe máy vừa nêu cho công ty H.

Tính đến ngày khởi kiện, ông B đã thanh toán tổng số tiền là 13.053.000 đồng, trong đó đã thanh toán nợ gốc 6.047.897 đồng, lãi trong hạn 6.241.347 đồng, lãi quá hạn là 763.756 đồng. Từ kỳ thanh toán tháng 5 năm 2015, ông B không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào mặc dù CÔNG TY H đã nhiều lần yêu cầu thanh toán. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông B phải thanh toán số tiền nợ gốc là 43.722.103 đồng, tiền lãi chưa thanh toán theo thỏa thuận là 17.188.029 đồng, thanh toán tiền phạt vi phạm theo thỏa thuận là 4.412.912 đồng, tổng cộng là 65.323.044 đồng. Trong trường hợp ông B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu ông B giao xe Honda SH 125 cho CÔNG TY H để phát mại theo quy định pháp luật.

Bị đơn là ông Trương Nguyễn B đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng không có lời khai tại Tòa án, vắng mặt khi được Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, bị đơn vắng mặt liên tiếp hai lần mặc dù đã được triệp tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 09/9/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đồng thời tại bản tự khai ngày 09/9/2020, nguyên đơn xác định: CÔNG TY H tự nguyện giảm một phần tiền lãi để tạo điều kiện cho cho ông B trả nợ. Cụ thể nguyên đơn yêu cầu: Bị đơn thanh toán nợ gốc 43.722.103 đồng, nợ trong hạn là 9.257.392 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.412.912 đồng, tổng cộng là 57.392.407 đồng. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 7.930.673 đồng và rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn yêu cầu tòa án buộc ông Trương Nguyễn B trả nợ gốc và lãi theo Thỏa thuận tín dụng ngày 13/01/2015. Theo xác minh ngày 30/6/2020 của Công an phường P, quận Tân Phú thì ông Trương Nguyễn B có tạm trú và đang thực tế cư trú tại địa chỉ: Số xx đường K, phường P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét đây là tranh chấp hợp đồng, cụ thể là hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông B vắng mặt không rõ lý do, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả lãi trong hạn 7.3930.367 đồng và yêu cầu giao xe Honda SH 125 để phát mại là tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử theo định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện: CÔNG TY H yêu cầu ông B phải thanh toán số tiền thanh toán nợ gốc 43.722.103 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.257.392 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.412.912 đồng, tổng cộng là 57.392.407 đồng. Ông B không có lời khai tại Tòa án, không giao nộp bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, vắng mặt khi được Tòa án triệu tập làm việc, hòa giải và tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án căn cứ vào yêu cầu, lời khai, các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án.

[5] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, Thỏa thuận tín dụng tài trợ xe gắn máy số 2W001731380 ngày No 0293865 ngày 13/01/2015, Bảng kê chi tiết thanh toán ngày 10/01/2019, Bảng lịch sử thanh toán, Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký mô tô , xe máy số 000533 của Công an quận Phú Nhuận cấp ngày 15/01/2015 do nguyên đơn giao nộp thì có cơ sở xác định:

Nguyên đơn và bị đơn đã giao kết hợp đồng tín dụng ngày 13/01/2015 với thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 49.770.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 3,42%/tháng, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn 73.199.376 đồng, bao gồm 49.770.000 đồng nợ gốc và 23.429.376 đồng nợ lãi, thanh toán thành 24 kỳ từ ngày 10/02/2016 đến ngày 10/01/2017. Mục đích vay là để mua xe gắn máy Honda SH 125, số khung: RLHJF4214DY.., số máy: JF42E-.... Thực hiện hợp đồng, bị đơn đã được nhận giải ngân số tiền 49.770.000 đồng để mua xe máy Honda SH 125 và xe máy này đã được cấp biển kiểm soát số 59E1-xxxxx. Tuy nhiên, bị đơn lại không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán. Bị đơn chỉ thanh toán được 03 lần và chậm hơn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, cụ thể: Ngày 02/3/2015 thanh toán 3.230.000 đồng, ngày 10/5/2015 thanh toán 9.800.000 đồng, ngày 12/5/2015 thanh toán 23.000 đồng; trong đó thanh toán nợ gốc 6.047.897 đồng, tiền lãi trong hạn là 6.241.347 đồng, lãi quá hạn là 763.756 đồng. Như vậy, tính đến hết ngày 12/5/2015, bị đơn chưa trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc: 49.770.000 đồng - 6.047.897 đồng = 43.722.103 đồng.

Từ ngày 13/5/2015, bị đơn không trả cho nguyên đơn thêm bất kỳ khoản tiền nào khác. Căn cứ quy định tại điểm 9.10.2 của Thỏa thuận tín dụng ngày 13/01/2015 thì khi chậm thanh toán, bên vay phải chịu phạt với lãi suất 150% lãi suất trong hạn. Số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 13/5/2015 đến ngày 10/01/2017 theo hợp đồng tín dụng được tính như sau:

Nợ gốc 43.722.103 đồng x 3,42%/tháng x 150% x 19 tháng 29 ngày = 44.784.112 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn là 9.257.392 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.412.912 đồng, tổng cộng 13.670.304 đồng là thấp hơn mức tính lãi quy định tại hợp đồng tín dụng mà Hội đồng xét xử vừa nêu. Yêu cầu này của nguyên đơn nhằm mục đích tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ là tự nguyện, có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận vừa nêu, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông B phải trả nợ gốc 43.722.103 đồng và nợ lãi 13.670.304 đồng, tổng cộng 57.392.407 đồng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng ngày 13/01/2015 là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.869.620 đồng tính trên số tiền 57.392.407 đồng mà nguyên đơn được chấp nhận.

[7] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung của vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 290, Điều 292, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH H.

Buộc ông Trương Nguyễn B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH H số tiền nợ gốc 43.722.103 đồng và nợ lãi 13.670.304 đồng, tổng cộng 57.392.407 đồng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng ngày 13/01/2015.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông B còn phải trả lãi cho Công ty Tài chính TNHH H phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng ngày 13/01/2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH H về việc:

- Yêu cầu ông B trả 7.3930.367 đồng tiền lãi trong hạn cho theo hợp đồng tín dụng ngày 13/01/2015.

- Yêu cầu ông B giao xe Honda SH 125, số khung: RLHJF4214DY..., số máy: JF42E-..., biển kiểm soát số 59E1-XXXXX để phát mại.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại các yêu cầu này

theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông B phải chịu 2.869.620 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty Tài chính TNHH H 1.633.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0041473 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Công ty Tài chính TNHH H, ông B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS Q.Tân Phú;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thế Đông